

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ QUAO
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2020/DS-ST

Ngày: 30-7-2020

“V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ QUAO, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hoài Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lương Thị Hồng Hạnh;
2. Ông Danh Út Nhỏ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nghĩa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Quao.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao không tham gia phiên tòa.

Ngày 30 tháng 7 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 49/2020/TLST-DS ngày 25/5/2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2020/QĐXXST-DS, ngày 02 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 24/2020/QĐST-DS ngày 15/7/2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Huỳnh Hữu Mi N (tên gọi khác Út M) - sinh năm 1994 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp Ph, xã V1, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

2. *Bị đơn:* Bà Huỳnh Thị N1 - sinh năm 1978 (có mặt) và ông Hồ Văn V - sinh năm 1973 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp Ph1, xã V2, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 04/5/2020 và tại phiên tòa nguyên đơn chị Huỳnh Hữu Mi N trình bày: Vào năm 2017 ăl, tôi có hỏi dùm ông Hồ Văn V, bà Huỳnh Thị N1 số tiền là 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng) và ông V, bà N1 hứa một tháng trả hết số tiền 300.000.000 đồng để tôi trả cho người ta nhưng đến hạn ông V, bà N1 không thực hiện mà cứ hứa hẹn nhiều lần. Khi ông V, bà N1 hứa mà không thực hiện nên vào ngày 15/01/2018 ăl tôi có yêu cầu ông V, bà N1 làm biên nhận nợ là có thiếu tôi số tiền là 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng) và hẹn trong 06 tháng trả hết số tiền trên nhưng ông V, bà N1 hứa mà

không thực hiện để kéo dài đến nay.

Nguyên vọng: Tôi yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Hồ Văn V, bà Huỳnh Thị N1 phải trả cho tôi số tiền còn thiếu là 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng) và trong thời hạn 03 tháng sẽ trả hết nợ cho tôi còn bà N1 xin trả dần mỗi năm là 30.000.000 đồng thì tôi không đồng ý. Ngoài ra, tôi không yêu cầu thêm gì.

Tại bản tự khai đề ngày 10/6/2020 và tại phiên tòa bị đơn bà Huỳnh Thị N1 trình bày: Vào ngày 07/6/2017 do thiếu vốn làm ăn nên vợ chồng tôi có hỏi mượn em N số tiền là 140.000.000 đồng và vợ chồng tôi cũng có hứa trong một tháng sẽ trả hết số tiền này nhưng làm ăn kinh doanh thất bại nên không thực hiện đúng cam kết với em N. Do vợ chồng tôi cam kết mà không thực hiện nên đến ngày 15/01/2018 em N có đến nhà vợ chồng tôi thì vợ chồng tôi có ký nhận nợ với em N số tiền là 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng) có vốn và lãi. Về biên nhận nợ ngày 15/01/2018 là do chồng tôi viết nên vợ chồng tôi cùng ký. Đồng thời, em N xác định trong số tiền là 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng) là số tiền vốn gốc là không đúng mà có vốn và lãi mới lên đến 300.000.000 đồng. Do tôi thừa nhận toàn bộ số tiền 300.000.000 đồng này nên tôi không yêu cầu tính lại lãi suất.

Nguyên vọng: Tôi thừa nhận hiện nay vợ chồng tôi thiếu em N số tiền là 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng) và vợ chồng tôi xin trả dần số tiền trên cho em N mỗi năm là 30.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Còn em N yêu cầu vợ chồng tôi trả trong 03 tháng hết số tiền là 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng) thì vợ chồng tôi không có khả năng.

Ông Hồ Văn V là đồng bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa và cũng không làm văn bản nộp cho Tòa án. Do đó, Tòa án cũng không ghi nhận ý kiến của ông V được và ông V cũng biết được nội dung đơn khởi kiện của chị N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Huỳnh Hữu Mi N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Huỳnh Thị N1 và ông Hồ Văn V phải trả số tiền vay còn nợ nên quan hệ tranh chấp của vụ án là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông Hồ Văn V là đồng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã được tổng đạt hợp lệ nên căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử là phù hợp.

[2] Về nội dung: Hợp đồng vay tiền giữa chị Huỳnh Hữu Mi N và bà Huỳnh Thị N1, ông Hồ Văn V là hợp đồng vay có thời hạn và không có lãi. Hợp đồng này được giao kết thực hiện trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận, không trái pháp luật, đạo đức xã hội nên được pháp luật công nhận và bảo vệ. Hai bên đương sự đã thừa nhận là vợ chồng ông V, bà N1 có vay tiền của chị N là đúng sự thật.

Đồng thời, bà N1 cũng thừa vợ chồng bà còn thiếu chị N số tiền là 300.000.000 đồng từ ngày 15/01/2018 đến nay chưa trả nhưng bà N1 cam kết và hẹn trả nhiều lần mà không thực hiện, để kéo dài nay chưa thanh toán được nợ cho chị N là vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015. Mặc khác, trong quá trình giải quyết vụ án bà N1 xin trả dần số tiền trên mỗi năm 30.000.000 đồng cho đến khi hết nợ nhưng yêu cầu này của bà N1 không được chị N chấp nhận nên HĐXX không có căn cứ xem xét. Do đó, buộc ông V, bà N1 phải trả số tiền còn thiếu cho chị N là có căn cứ và đúng pháp luật.

Đối với ông Hồ Văn V, trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án trực tiếp đến nhà ông V tổng đạt các văn bản tố tụng đúng theo qui định của pháp luật và bà N1 vợ ông V nhận thay và cam kết giao lại. Đồng thời, yêu cầu ông đến Tòa án để làm các văn bản gửi cho Tòa án nhưng ông không đến Tòa án làm văn bản gửi cho Tòa án nên không có căn cứ để xem xét ý kiến của ông. Từ đó, cho thấy ông V đã biết được nội dung yêu cầu khởi kiện của chị N. Do đó, HĐXX thống nhất xét xử vắng mặt ông theo qui định của pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] Về án phí DSST là: Yêu cầu của chị Huỳnh Hữu Mi N được Tòa án chấp nhận nên chị được nhận lại số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp là 7.500.000 đồng (Bảy triệu năm trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0008911 ngày 22/5/2020 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

Bà Huỳnh Thị N1 và ông Hồ Văn V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm giá ngạch là: $300.000.000đ \times 5\% = 15.000.000đ$ (Mười lăm triệu đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 11, Điều 466, Điều 468 và Điều 688 của Bộ luật dân sự 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Hữu Mi N đối với bà Huỳnh Thị N1 và ông Hồ Văn V.

Buộc bà Huỳnh Thị N1 và ông Hồ Văn V phải trả cho chị Huỳnh Hữu Mi N số tiền là 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu

khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí DSST: Là 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng) buộc bà Huỳnh Thị N1 và ông Hồ Văn V phải nộp.

Yêu cầu của chị Huỳnh Hữu Mi N được Tòa án chấp nhận nên chị nhận lại số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp là 7.500.000 đồng (bảy triệu năm trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0008911 ngày 22/5/2020 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

3. Báo cho chị Huỳnh Hữu Mi N và bà Huỳnh Thị N1 biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án ngày 30/7/2020. Ông Hồ Văn V biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7, Điều 7a và Điều 7b Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- VKSND huyện Gò Quao;
- Chi cục THADS huyện Gò Quao;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- UBND xã V2;
- UMND xã V1;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Hoài Thanh